

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 17 – 5 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoa Vinh

Ông Trần Hoàng Vĩnh

Ông Nguyễn Chí Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/TLST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2018 đối với:

1. *Bị cáo:* Võ Thị Kim T, sinh ngày 19/11/1987 tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Chỗ ở: khu vực 2, phường 4, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Nguyên chuyên viên tuyển sinh đào tạo, thủ quỹ Trường TC KTKT HG; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Anh Tuấn và bà Phạm Thị Thủy; có chồng và 01 người con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị hại:* Trường TC KTKT HG

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim K – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng (có mặt)

3. *Người làm chứng:*

3.1. Lê Văn P (có mặt)

3.2. Nguyễn Thị Thiện M (có mặt)

3.3. Phan Thị D (có mặt)

3.4. Lê Thị Cẩm D (có mặt)

3.5. Võ Văn T (vắng mặt)

3.6. Phạm Thị T (vắng mặt)

3.7. Nguyễn Thanh T (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 12/2015, lợi dụng nhiệm vụ được giao là chuyên viên Phòng đào tạo, kiêm thủ quỹ Trường TC KTKT HG, Võ Thị Kim T đã chiếm đoạt tiền của Trường để tiêu xài cá nhân với số tiền 256.078.697 (hai trăm năm mươi sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng. Cụ thể:

- Tiền bán hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, tiền học sinh học văn hóa và chăm sóc sức khỏe ban đầu: Theo quy định của đơn vị liên kết, khi nào bán hồ sơ đủ mở lớp thì mới nộp tiền, do chưa đủ số lượng để nộp về đơn vị liên kết nên T gửi vào sổ tiết kiệm mang tên mình tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Hậu Giang (mở theo yêu cầu của ban giám hiệu). Do cần tiền để chi xài cá nhân nên T đã tự ý rút hết số tiền 62.490.000 (sáu mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn) đồng cùng với số tiền học sinh học văn hóa 2.110.000 (hai triệu một trăm mười nghìn) đồng, tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu 308.000 (ba trăm lẻ tám nghìn) đồng, tổng cộng 64.908.000 (sáu mươi bốn triệu chín trăm lẻ tám nghìn) đồng.

- Tiền được trích lại theo các hợp đồng liên kết đào tạo: Sau khi kế toán thực hiện việc trích lại đã giao tiền mặt cho T nộp vào tài khoản ngân hàng của Trường TC KTKT HG nhưng T không thực hiện mà giữ lại để chi xài cá nhân số tiền: 191.170.697 (một trăm chín mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn sáu trăm chín mươi bảy) đồng.

Đối với hành vi lợi dụng vào nhiệm vụ được phân công (giữ séc rút tiền mặt), T đã tự ý giả mạo chữ ký của hiệu trưởng, kế toán Trường TC KTKT HG để ký 02 séc rút tổng số tiền 67.000.000 (sáu mươi bảy triệu) đồng (Séc số AQ 2901849 ngày 20/7/2015 rút 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và séc số AQ 2901850 ngày 27/7/2015 rút 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng) có dấu hiệu của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tuy nhiên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Hậu Giang khẳng định không bị thiệt hại về tài sản và không yêu cầu xử lý đối với Võ Thị Kim T, đồng thời sau khi bị phát hiện, T đã tự nguyện khắc phục lại toàn bộ số tiền trên. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hậu Giang không truy cứu trách nhiệm hình sự số tiền 67.000.000 (sáu mươi bảy triệu) đồng đối với bị cáo T.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1, ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Võ Thị Kim T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo T từ 7 đến 8 năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án vật chứng là 2 tờ séc.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đại diện bị hại đề nghị xét xử bị cáo theo quy định pháp luật, về trách nhiệm dân sự không có thiệt hại nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hậu Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về quyền bào chữa của bị cáo: Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố về tội tham ô tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 278 của Bộ luật hình sự năm 1999 có mức hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 thì thuộc trường hợp được chỉ định người bào chữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo đã được cơ quan tiến hành tố tụng giải thích về quyền được chỉ định người bào chữa nhưng bị cáo không yêu cầu người bào chữa và từ chối người bào chữa chỉ định. Do đó, tại phiên tòa bị cáo được tự mình bào chữa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo.

[2] Về tội danh:

[2.1] Bị cáo Võ Thị Kim T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Trong thời gian công tác tại Trường TC KTKT HG bị cáo được giao nhiệm vụ là chuyên viên phòng Đào tạo, kiêm thủ quỹ của Trường. Từ tháng 9/2014 đến tháng 12/2015, vì muốn có tiền để chi xài cá nhân bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 64.908.000 đồng là tiền bán hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, tiền học sinh học văn hóa và chăm sóc sức khỏe ban đầu; đồng thời bị cáo cũng chiếm đoạt tiền được trích lại theo hợp đồng liên kết đào tạo số tiền 191.170.697 đồng. Như vậy, bị cáo là người có trách nhiệm quản lý các khoản tiền nêu trên nhưng bị cáo đã lợi dụng nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tài sản của Trường TC KTKT HG. Hành vi của bị cáo đã đủ

yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại Điều 278 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[2.2] Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 256.078.697 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a khoản 3 Điều 278 của Bộ luật hình sự năm 1999 “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*”, với mức hình phạt từ mười lăm năm đến hai mươi năm tù. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 phạm tội tham ô tài sản mà “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” thì mức hình phạt là từ 07 năm đến 15 năm tù. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 thì đây là quy định có lợi cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2.3] Đối với hành vi giả mạo chữ ký để rút séc số tiền 67.000.000 đồng, Viện kiểm sát không truy tố đối với hành vi này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, đối với hành vi này kiến nghị Viện kiểm sát xem xét, xử lý đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với vai trò của ông Lê Văn P, Hiệu trưởng Trường TC KTKT HG là chủ tài khoản của đơn vị, chịu trách nhiệm là người đứng đầu của Trường. Trong quá trình lãnh đạo, quản lý ông P chưa thực hiện hết vai trò, trách nhiệm của mình để xảy ra sai phạm của bị cáo T. Tuy nhiên, hậu quả xảy ra đã được bị cáo T khắc phục, ông Phi đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo về mặt Đảng và chính quyền nên cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và quyền sở hữu tài sản của Trường TC KTKT HG. Bị cáo là người có trình độ học vấn, bị cáo phải biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đặc biệt là đối với nhóm hành vi tham nhũng đang được Nhà nước và nhân dân lên án mạnh mẽ, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện cho thấy ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[4.1] Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền bán hồ sơ và lệ phí tuyển sinh, tiền học sinh học văn hóa và chăm sóc sức khỏe ban đầu là 64.908.000 đồng và tiền được trích lại theo hợp đồng liên kết đào tạo là 191.170.697 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

[4.2] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét bị cáo là người có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại trước khi khởi tố vụ án cho thấy bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bản thân bị cáo trong quá trình công tác tại Trường TC KTKT HG cũng được tặng

nhieu giấy khen, có bà ngoại là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Hội đồng xét xử áp dụng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người có ích, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, đồng thời cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Trường TC KTKT HG. Tại phiên tòa đại diện bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng là 02 tờ séc do bị cáo giả mạo chữ ký để rút tiền. Xét thấy đây là chứng cứ liên quan đến vụ án nên cần tịch thu lưu giữ vào hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 17.500.000 đồng là tiền lãi bị cáo thu được khi cho vay bằng nguồn tiền sai phạm, bị cáo đã nộp cho Trường trung cấp kinh tế kỹ thuật Hậu Giang. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh khoản tiền này không liên quan đến khoản tiền bị cáo có hành vi chiếm đoạt bị truy tố nên không phải là vật chứng của vụ án, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với số tiền 499.150.000 đồng bị cáo đã thu học phí của học viên các lớp liên kết đào tạo gồm 85.100.000 đồng của Trường Đại học Lâm nghiệp cơ sở 2 và 414.050.000 đồng của Trường Đại học Cần Thơ. Số tiền này bị cáo đã thu của học viên để tổng hợp chuyển cho các đơn vị liên kết theo hợp đồng đã ký. Bị cáo đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân, chậm chuyển trả cho các đơn vị liên kết. Tuy nhiên, hai đơn vị liên kết xác định việc chậm trả chỉ là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đơn vị liên kết cũng như của học viên, Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Kiến nghị Trường trung cấp kinh tế - kỹ thuật tỉnh Hậu Giang phải có biện pháp khắc phục, sửa chữa những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý tài chính của Trường và kiểm điểm trách nhiệm của bộ phận kế toán trong việc để ra sai sót.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 278 của Bộ luật hình sự 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự 2015; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự 1999; Điều 42 của Bộ luật hình sự 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thị Kim T phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Kim T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tờ séc số AQ 2901849 ngày 20/7/2015 rút 50.000.000 đồng và tờ séc số AQ 2901850 ngày 27/7/2015 rút 17.000.000 đồng, tiếp tục lưu tại bút lục số 109 của hồ sơ vụ án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Võ Thị Kim T phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Kiến nghị Trường TCKTKT HG phải có biện pháp khắc phục, sửa chữa những hạn chế, thiếu sót trong công tác quản lý tài chính của Trường; kiểm điểm trách nhiệm của bộ phận kế toán trong việc để ra sai sót. Kết quả thực hiện phải báo cáo về Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được Tòa án kiến nghị theo quy định tại Điều 264 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Hậu Giang (3b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- Viện kiểm sát cấp cao TP HCM (1b);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Hậu Giang (1b);
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang (1b);
- Lưu: HSVA, TAHG (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thanh

